

LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA

QUYỂN 93

Phân Nhiếp Sự, Sự Kế Kinh:
Duyên Khởi, Thực, Đế, Gồm Thâu Thứ Ba

Đoạn 1:

Như thế là đã nói về xứ lựa chọn gồm thâu. Duyên khởi thực đế giới lựa chọn gồm thâu, nay sẽ nói. Tụng tổng quát nêu:

*Lập cùng với hai đế
Do xúc để làm duyên
Có diệt cùng với thực
Sau cùng là như lý.*

Tụng riêng nêu:

*Lập tụ khổ quán đế
Trí gồm thâu Thánh giáo
Quan sát suy lường xét
Sau thượng mạn, sâu xa.*

Lược do ba tướng, nên biết kiến lập duyên khởi có sai biệt:

1. Từ tiền tế, trung tế được sanh.
2. Từ trung tế, hậu tế được sanh
3. Nơi trung tế sanh rồi tùy chuyển cùng hưởng tới thanh

tịnh.

Ở đây, thế nào là từ tiền tế, trung tế được sanh? Cùng nơi trung tế sanh rồi tùy chuyển? Nghĩa là như có một hữu tình, vốn không thông tuệ, vô minh làm duyên, ba nghiệp thân ngữ ý tạo tác, làm tăng trưởng tội, phước, bất động. Do đấy làm duyên, hành thức theo nghiệp cho đến mạng chung tùy chuyển không dứt, có thể làm nhân cho đời sau nối tiếp sanh thức. Như vậy lần lượt có ái trong ngoài, lúc thức sanh quả, có thể làm trợ bạn, hiện tiền mà khởi. Đã mạng chung rồi, do nhân của tiền

tế, đối với đời hiện tại tự thể được sanh. Sanh rồi lần lượt ở trong thai mẹ, nhân nơi thức làm duyên, nối tiếp sanh quả thức tùy chuyển không dứt. Nhận giữ phần vị của danh sắc hiện có như Yết-la-lam, càng về sau càng vượt hơn, khởi đầu từ thai tạng cho đến già suy.

Lại, tức thức ấy, lúc nối tiếp sanh, có thể chiêu cảm nghiệp sanh cùng quả dị thực. Dị thực sanh thức, lại dựa nơi danh sắc tương tục mà chuyển. Nghĩa là dựa nơi sáu căn như mắt v.v... để chuyển. Do đấy nên nói danh sắc duyên nơi thức. Năm căn câu sanh được gọi là sắc. Vô gián diệt v.v... được gọi là danh. Theo chỗ ứng hợp, có thể cùng với sáu thức làm nơi nương dựa. Thức dựa nơi chúng, cho đến mạng chung thường xuyên tùy chuyển.

Lại, gốc của năm sắc căn dựa nơi đại chủng. Đại chủng của xứ căn sanh khởi các sắc cùng các danh khác. Do chúng nắm giữ các căn hiện có, nên gắn chặt ở chỗ nối tiếp, lưu chuyển không dứt. Hai thứ ấy gọi chung là nương dựa, tùy chuyển. Do đấy nên nói thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Nơi đời hiện tại, cũng như bó lau, cùng dựa nhau mà chuyển, cho đến thọ mạng trụ, như thế gọi là từ nơi tiền tế, trung tế duyên khởi, các hành được sanh, nơi trung tế này, sanh rồi tùy chuyển.

Nên biết ở đây, dựa vào thai sanh nói về thứ lớp chuyển. Noãn sanh, thấp sanh, trừ nơi bụng mẹ, có sai biệt khác. Hữu tình có sắc, tại cõi Dục cõi Sắc, thọ hóa sanh: Vào lúc mới sanh, các căn viên mãn, so với sai biệt khác.

Tại cõi Vô sắc, thức của các loài hữu tình, nương nơi danh cùng chủng tử của sắc. Danh cùng sắc chủng, dựa nơi thức mà chuyển. Do trong thức kia có sắc chủng, nên sắc tuy gián đoạn, sau sẽ lại sanh. Như thế gọi là ở đây có sai biệt.

Vì nghiệp phước, nên sanh nơi hai nẻo Trời, Người của cõi Dục. Do nghiệp tội, nên sanh trong nẻo ác. Do nghiệp bất động, nên sanh nơi cõi Sắc, Vô sắc.

Thế nào gọi là từ nơi trung tế, hậu tế duyên khởi, các hành được sanh? Thế nào là không sanh? Do không sanh nên chứng đắc thanh tịnh?

Nghĩa là hữu tình kia, ở nơi trung tế như thế sanh, lãnh nhận chỗ được hai quả của nghiệp trước:

1. Lãnh nhận quả dị thực nội.
2. Lãnh nhận quả tăng thượng của thọ do cảnh giới sanh. Hữu tình kia do lắng nghe không phải chánh pháp, hoặc do sức thường xuyên hành tập của đời trước, nên đối với hai thứ quả phát khởi ngu si. Hữu

tình kia do ở trong quả dị thực nội có ngu si, nên không thể nhận biết rõ như thật về sanh khổ của hữu sau nơi vị lai. Do sức tăng thượng của vô minh nơi tiền tế, hậu tế ấy, nên tạo tác làm tăng trưởng các hành như trước. Vì nghiệp mới này huân tập, biến đổi thức, nên ở trong hiện pháp theo nghiệp mà hành. Như thế, vô minh dùng làm duyên, nên các hành được sanh. Hành làm duyên nên khiến thức chuyển biến. Nên biết thức này, ở trong hiện pháp chỉ là tánh của nhân, thấu nhận sẽ sanh quả của các thức. Căn cứ theo tất cả nẻo tương tục làm danh, nói sáu thức thân.

Lại, tức thức này là chỗ đeo đuổi của chủng tử danh sắc, nơi hữu sau của vị lai. Chủng tử của danh sắc lại bị chủng tử của sáu xứ nơi hữu sau của vị lai đeo đuổi. Chủng tử của sáu xứ lại bị chủng tử của các xúc nơi hữu sau của vị lai đeo đuổi. Chủng tử của xúc này lại bị chủng tử của các thọ nơi hữu sau của vị lai đeo đuổi. Nên biết đó gọi là nhân dẫn khởi của hữu sau nơi trung tế. Do thức vì thọ trước làm sau cùng, nên có thể dẫn dắt khắp các tự thể. Như thế, do ngu của quả tăng thượng được sanh từ cảnh giới thứ hai, duyên nơi thọ của cảnh giới phát sanh tham ái. Vì ái này, nên hoặc cầu các dục, hoặc cầu các hữu.

Lại, giữ lấy dục thủ, hoặc giữ lấy kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ. Giữ lấy các thủ rồi, ái thủ hòa hợp, làm thấm nhuần nhân dẫn khởi trước để chuyển, gọi là hữu, là sẽ sanh khởi thuộc về nhân. Hữu ấy vô gián, đã mạng chung rồi, như chỗ dẫn dắt của nhân dẫn, các hành thức là đầu tiên, thọ là sau cùng, hoặc thứ lớp sanh, hoặc lại tức khắc sanh. Như thế nên biết, ở trong hiện pháp, đầu tiên do vô minh xúc sanh khởi thọ làm duyên sanh ái. Ái làm duyên nên tiếp theo sanh thủ. Thủ làm duyên nên chuyển thành hữu. Hữu làm duyên nên sanh hiện có được sanh. Sanh làm duyên nên các khổ như lão bệnh tử v.v... có sai biệt, thứ lớp hiện tiền. Nên biết ở đây, hoặc có xứ sở xứ sanh hiện tiền, hoặc có xứ sở chủng tử theo đuổi. Như thế, nơi trung tế, vô minh duyên hành, thọ duyên ái v.v..., có thể sanh các hành duyên khởi của hậu tế.

Nếu trong hiện pháp, từ nơi kẻ khác nghe pháp, hoặc nơi đời trước đã tích tập tư lương, do chúng làm nhân, có thể đối với các hành của hai thứ tánh quả, tư duy như lý. Hoặc đối với nhân kia, hoặc đối với diệt kia, hoặc hành hướng tới diệt, tác ý như lý, tư duy về chúng, nên phát sanh chánh kiến.

Lại, đối với các đế thứ lớp đạt được trí kiến hữu học, vô học thanh tịnh. Hữu tình kia do sức của trí kiến như thế, nên có thể đoạn trừ rốt ráo vô minh và ái. Do sự đoạn trừ kia, nên các thọ được sanh khởi từ vô minh xúc, cũng lại theo đấy được đoạn trừ. Vì được đoạn trừ, nên ở

trong hiện pháp do lìa vô minh nên chứng đắc huệ giải thoát.

Lại, các thọ, do vô minh xúc sanh khởi, tương ứng với các phiền não tham ái tương ứng hiện có trong tâm. Hữu tình kia, đối với tâm ấy cũng có thể lìa mọi hệ thuộc. Do lìa tham, nên chứng đắc tâm giải thoát.

Lại, tức do vô minh kia diệt, nên các hữu vô minh lúc cũng chưa đoạn trừ, dựa nơi hậu tế nên sanh hành, thức, cho đến các thọ đều không được sanh, thành pháp chẳng sanh. Thế nên gọi là vô minh diệt nên các hành diệt. Thứ lớp cho đến các xúc do dị thực sanh diệt, nên các thọ do dị thực sanh tùy diệt.

Lại, trong hiện pháp, vô minh diệt, nên xúc của vô minh diệt. Do xúc của vô minh vĩnh viễn được diệt, nên các thọ được sanh từ xúc của vô minh đã vĩnh viễn được diệt, nên ái cũng theo đấy mà diệt. Do ái đã diệt, nên như trước đã gọi là các thủ hiện có, cho đến tổn não dùng làm hậu biên, các hành đều diệt, thành pháp chẳng sanh. Ở trong hiện pháp, các hành như thế đều không lưu chuyển. Do không lưu chuyển nên ở trong hiện pháp, trụ nơi Giới Niết-bàn Hữu dư y, gọi là chứng đắc Niết-bàn của hiện pháp. Bảy giờ, hữu tình kia, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức, chưa diệt hoàn toàn mà được gọi là thanh tịnh trắng sạch, cho đến có thức thân trụ chưa diệt. Hữu tình kia hằng lãnh nhận các thọ lìa hệ thuộc, không có trói buộc. Hữu tình kia có thức thân, cho đến nghiệp trước dẫn dắt thọ lượng luôn nối tiếp trụ. Thọ lượng nếu hết, có thể nắm giữ thức, xả bỏ chỗ chấp thân, mạng căn cũng bỏ. Từ đấy trở về sau, mạng căn hiện có đều hoàn toàn dứt trừ rốt ráo, đều không chỗ có.

Lại, các thức kia cùng với tất cả thọ, ở trong phần vị ấy, tự nhiên mà diệt. Nhân trước diệt, nên các thứ khác lại không nối tiếp, cũng diệt dứt trọn vẹn. Do đạo lý ấy, nên gọi là Giới Bát-niết-bàn Vô dư y, tịch tĩnh rốt ráo, luôn trụ nơi diệu tích. Vì nghĩa này nên thường tùy Niết-bàn, thường dùng Niết-bàn làm cứu cánh, ở nơi trụ xứ của Đức Thế Tôn tu tập phạm hạnh thành thực. Đó gọi là nói rộng.

Do ba thứ tướng, nên kiến lập duyên khởi. Nghĩa là từ tiền tế, trung tế lưu chuyển, từ nơi trung tế, hậu tế lưu chuyển. Lại nơi trung tế lưu chuyển thanh tịnh.

Lại nữa, an lập chín tướng, cây khổ của hữu sau có thể sanh khởi hữu hiện tại. Nghĩa là có hữu tình không phải là hàng thông tuệ của thế gian, ở trong hiện pháp đã tạo nghiệp mới như cây khổ nhỏ.

Nếu hữu tình kia, nơi thế gian không phải là hàng thông tuệ, có thể

tùy thuận nơi xứ sở của các lậu. Dựa nơi đời hiện tại, tùy quán ái vị. Dựa nơi đời quá khứ, sanh luyến tiếc sâu xa. Dựa nơi đời vị lai, chuyên tâm buộc vướng. Trụ như thế rồi, trước hết đối với tất cả tham ái chưa đoạn, do luôn hành tập nên lại càng tăng trưởng. Hữu tình này không phải là hàng thông tuệ, muốn khiến cho cây nhỏ của hữu sau lại thêm tươi tốt như thế, dùng nước tham ái để phun tưới luôn, khiến như trước đã nói, có thể chiêu cảm quả đạt được của thủ nơi vị lai, lần lượt đầy đủ.

Nếu có các Thánh đệ tử đa văn, tuy tạo hữu lậu, có thể chiêu cảm cây nhỏ của các nghiệp nơi vị lai. Nhưng các hành có thể thuận nơi phiền não, tùy quán thuận hợp tánh của pháp sanh diệt, đối với cảnh giới đoạn, cảnh giới vô dục cùng cảnh giới diệt, tùy quán không điên đảo, là tánh tịch tĩnh, tổn giảm nghiệp không khiến tăng trưởng, khiến cho nước ái ấy cũng đều tiêu tan. Kẻ thông tuệ không muốn cây nhỏ của hữu sau xanh tốt, liền đoạn ái kia. Ái duyên nơi thủ v.v... đã tổn hoại. Như thế, cây nhỏ của hữu sau hãy còn khiến cho tất cả đều không thật có, hướng hồ là khiến cho hữu sau lại tăng trưởng. Lại như có một hữu tình, đã sanh tự thể, các thứ tạo tác, làm tăng trưởng hiện có ở trước, thuận nơi nghiệp của thọ sau, ở trong hiện pháp, bị chỗ trôi buộc kia, tức tự thể ấy cùng chỗ tạo tác trước thuận nơi nghiệp của thọ sau, gồm thâu chung làm một, gọi là hữu sau như cây khổ lớn. Nếu đối với pháp có thể thuận theo các phiền não, như trước đã nói, cho đến chuyên tâm buộc chấp. Trụ như thế rồi, kẻ ấy, với chỗ tạo tác trước thuận nơi nghiệp thọ nhận sau, như rễ cắm sâu vào đất khiến cây lá um tùm. Ở trong hiện pháp, phiền não ái kia như đường dẫn nước bên cạnh tưới vào khiến cây tươi tốt. Dùng đậy làm nhân, khiến tất cả chủng tử nơi thức tùy theo nghiệp hoặc mà hành. Nơi đời vị lai lúc đang tiếp tục sanh, thì trụ nơi danh sắc.

Như vậy, cây khổ khi cao lớn, an lập, nên biết hữu tình như thế là muốn khiến cho cây khổ lần lượt thêm xanh tốt. Ở đây, phẩm bạch như trước đã nói, nên biết.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nơi thời xa xưa, lúc làm Bồ tát, đã từ bỏ các đạo thế tục đã đạt được từ trước, cùng các vị thầy thế gian, ở tại tòa Bồ đề, vì thương xót các hữu tình, muốn đem lại lợi ích cho họ là điều trước nhất, nên tự đối với các đế khởi quán xét đúng đắn. Bấy giờ, vì nhằm quán đầy đủ về Khổ đế, do chi lão tử thuộc về Khổ đế, nên đối với duyên khởi đã quán xét theo chiều hướng nghịch. Nên biết ở đây, do ba thứ tướng, nên đối với lão tử quán xét đúng như lý:

1. Quán xét nhân duyên vi tế.

2. Quán xét nhân duyên thô.

3. Quán xét về không phải là không tịnh.

Nhân duyên chiêu cảm sanh, cũng gọi là sanh. Tức tự thể sanh cũng gọi là sanh. Sanh trước là tế, sanh sau là thô.

Ở đây, quán sanh trước là tế, là hữu mà có lão tử. Cũng quán do sanh sau là thô làm duyên nên được có lão tử. Lão tử của vị lai, sanh tế làm nhân. Lão tử của hiện pháp thì sanh thô làm nhân.

Thế nào gọi là không phải là không quyết định? Nghĩa là, tức trừ hai thứ thể sanh thuộc về xứ sanh kia phần còn lại nhất định không thể cho qua quả lão tử. Như quán về lão tử, thì quán sanh hữu, thủ, ái, đều do hai thứ quán xét như lý, nên biết cũng vậy.

Như thế gọi là khởi đầu từ lão tử, lần lượt theo đạo lý duyên khởi quán xét nghịch về hai đế Khổ, Tập. Nên biết ở đây, thuận theo pháp của Tập đế cũng như tim đèn, tức Tập đế này như là dầu mỡ v.v..., Khổ đế giống như đèn. Các hữu tình không thông tuệ ví như kẻ rót dầu cùng tập hợp tim đèn. Như vậy, đèn khổ được đốt sáng lâu dài ở đời. Nên biết phẩm bạch Cùng với đấy trái nhau. Nghĩa là theo phương tiện thiện xảo, quán Diệt đế, Đạo đế.

Lại có hai thứ hữu tình:

1. Chỉ hành cho mình, không hành lợi ích. Nghĩa là chỉ đối với bản thân, tập hợp tim đèn, rót dầu, khiến một đèn khổ nổi tiếp trụ lâu.

2. Lại có hữu tình khác, hành gồm cả tự, tha với vô lượng đại chúng, không phải hành lợi ích. Bị khối lửa của khổ lớn thiêu đốt tự tha, đã thâm nhận pháp tà, trước hết là lắng nghe, ba huệ Văn, Tư, Tu đều dẫn đến hành tà. Ví như người tích chứa củi khô, củi khô cùng phân bò khô, do nhân duyên ấy, khiến khối lửa khổ trong thời gian cứ bùng cháy không hề dứt.

Lại nữa, Đức Thế Tôn, vào thời xa xưa, lúc làm Bồ tát, ở nơi tòa Bồ đề, dựa vào môn duyên khởi, thứ lớp theo hướng nghịch mà nhập. Trước duyên nơi hậu tế, tư duy như lý về lão tử nơi Khổ đế, cho đến chi ái. Như vậy là quán xét về Khổ đế của hậu tế, cùng khổ của hậu tế nơi Tập đế hiện có, chưa cho là biết đủ, nên lại quán xét các khổ hiện tại thuộc về nhân duyên của Tập đế nơi hậu tế. Tức là quán nghịch khắp về thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc cùng thức.

Nên biết ở đây, quán khổ của vị lai là Khổ đế hiện có. Quán nhân của tập kia là Tập đế hiện có. Quán Tập đế của khổ nơi đời vị lai do đâu mà có? Tức biết do từ nơi Tập trước đã sanh khởi thức làm biên vực, nên Khổ của hiện pháp có. Đã nhận biết từ Tập trước sanh khởi,

nên không quán lần nữa khổ ấy vì sao có. Do đó, Đức Thế Tôn vào thời xa xưa, lúc là Bồ tát, vì quán Khổ Tập hiện có của vị lai, quán khổ của hiện tại, cho đến tác ý tương ứng nơi tâm thức, nhưng lại chuyển hoàn. Lại lần lượt quán chốn nương dựa của Tập để nơi hậu tế kia. Nơi chốn nương dựa của Khổ để thuộc hậu tế, nên biết tức là Tập để của hậu tế, nên cho đến thức, lần nữa trở lại thuận với trên. Như thế là quán xét như lý về duyên khởi thuận nghịch nơi Khổ Tập. Từ đấy, không gián đoạn là quán về Diệt đế. Khởi đầu từ lão tử, thứ lớp nghịch nhập, cho đến vô minh. Vì sao? Vì quán xét như thế, thì Khổ đế của hiện tại, vì sao tất cả thấy đều diệt hết? Nghĩa là vô minh không tạo tác làm duyên cho hành của nghiệp mới. Như vậy là quán đầy đủ về ba Thánh đế rồi, tiếp đến lại tìm cầu Thánh đế diệt này do đường nào, hành nào để có thể chứng đắc? Do như trước đã nói về “Túc trụ tùy niệm”, nhớ nghĩ về thời xưa, vì cầu chánh kiến của thế gian khiến các lậu vĩnh viễn dứt hết, như sự chỉ dạy trao truyền, khiến hiện tại khởi tư duy: Ta nay chứng đắc chánh đạo xưa trước, đồng với chỗ từng trải qua của các Tiên thời xa xưa.

Như vậy, chỉ dùng tác ý thế gian quán đầy đủ về bốn đế. Lại dùng chánh kiến, ở trong các đế được nhập hiện quán, thứ lớp theo phương tiện, chứng Giác Chánh Đẳng Bồ đề Vô thượng. Hiện thấy phương tiện đạt được trí kiến thiện tịnh vô lậu của hàng hữu học, vô học. Vì ý nghĩa này, nên trong ba A-tăng-xí-da đại kiếp, tu tập tất cả hạnh khó hành, nay đối với nghĩa ấy đều đã chứng đắc. Vì lợi tha, vì thương xót các hàng Người, Trời của thế gian, nên tùy theo người có thể hội nhập Thánh pháp, mở bày bốn Thánh đế khiến sanh Đẳng giác.

Lại nữa, Đức Phật Thế Tôn giáo hóa thuộc về ba xứ. Đó là:

1. Khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng.
2. Vì dựa nơi hành lợi tha.
3. Vì dựa nơi hành tự lợi.

Ở đây, khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng. Nghĩa là từ khổ của hậu tế, quán nghịch về Khổ Tập của tiền tế nơi hiện pháp: Danh sắc duyên thức, thức duyên danh sắc. Ví như bó lau, lần lượt cùng nương mà được đứng yên. Trung gian nơi các pháp duyên sanh đều không phải tự tạo, cũng không phải tha tạo, không phải tự tha tạo, không phải không nhân sinh. Nếu đặt như vậy gọi là khéo kiến lập các pháp duyên sanh không tác dụng. Vì sao? Vì các hành vô thường, nên tiền tế là không, hậu tế là không, trung tế tuy có nhưng chỉ là sát na, nên tác dụng chuyển động, căn cứ theo đệ nhất nghĩa đều không thật có, chỉ dựa nơi thế tục,

tạm giả thiết lập. Thiết lập như vậy là thuận hợp như thật, thế nên gọi đấy là khéo kiến lập. Tức dựa nơi tánh của sự khéo kiến lập như vậy, dựa nơi các duyên khởi, vì kẻ khác tuyên thuyết giáo pháp Thánh đế, gọi là Đức Thế Tôn dựa nơi hành lợi tha. Tức ở đây là dựa vào khả năng của chính mình hưởng nhập hiện quán về Thánh đế, với pháp tùy pháp hành. Lại có thể chứng đắc Niết-bàn của hiện pháp, nên biết đó gọi là Đức Thế Tôn đã dựa nơi hành tự lợi.

Lại, các chúng đệ tử trước đã tích tập tư lương trí huệ, thành tựu huệ câu sanh mạnh mẽ, nên gọi là thông huệ. Gồm đủ giáo, trí, nên gọi là sáng rõ. Gồm đủ chứng trí nên gọi là khéo điều phục. Không do nơi duyên khác mà tự giác về pháp, nên gọi là vô sở úy. Duyên nơi Niết-bàn, nhận biết như thật, nên gọi là thấy cam lồ. Tận trí, vô sanh trí là chỗ nương dựa, chứng Giới Niết-bàn Hữu dư y, nên gọi là thân chứng, đạt được cảnh giới cam lồ vi diệu, an trụ đầy đủ.

Lại nữa, có các kẻ ngu, là chủng loại ngoại đạo, tuy có thể quán thấy tánh vô thường thô nơi thân của bốn đại chủng, do quán thân này tuy trụ vững lâu nhưng có tăng giảm. Lúc chết lúc sanh có bỏ có lấy, nên đối với thân ấy có thể chán, có thể lìa, có thể dứt khởi thặng giải. Dùng đạo thế gian lìa dục của cõi Dục, lìa dục của cõi Sắc, tột cùng đến cõi Hữu Đảnh. Nhưng kẻ ấy đối với thân, nên biết chỉ gọi là chưa được giải thoát. Vì sao? Vì do ở trong các định đã đạt được kia, thức đã được trong sáng chấp giữ làm ngã, trụ nơi tạp nhiễm. Lại, vào thời gian sau, nghiệp dứt, thọ mạng hết, thối chuyển trở lại sanh xuống cõi dưới, do nơi duyên khởi không đạt thiện xảo.

Các Thánh đệ tử, tuy đối với duyên khởi đã được thiện xảo, nhưng chỉ tùy quán tánh vô thường vi tế nơi thân của bốn đại chủng, tức chưa quán xét tánh vô thường của thức. Vì sao? Vì thân của bốn đại chủng trải qua thời gian dài lâu trụ nơi tướng thường có thể đạt được. Sát na tương tự nối tiếp tùy chuyển, nên tánh vô thường kia khó có thể đạt được. Tướng vô thường thô của thức hiển bày có thể đạt được. Sát na, sát na nơi đối tượng duyên dễ thoát, còn sự chuyển biến của tướng ấy, với vô lượng phẩm loại có sai biệt, nên tuy tánh tướng của thức này là vô thường, nhưng vô lượng phẩm loại thô hiển bày dễ đạt được, mà lại nói là hết sức vi tế, nên biết tánh ấy khó có thể nhận thức, khó có thể hội nhập. Vì sao? Vì đấy chỉ là cảnh do huệ nhãn nhận thấy.

Thân của bốn đại chủng có tăng có giảm, có bỏ có lấy. Tánh vô thường kia hãy còn là phi lý đối với cảnh giới của nhục nhãn, hướng hồ là nhãn khác. Các Thánh đệ tử đối với duyên khởi đạt thiện xảo, lại

muốn ngộ nhập tánh vô thường của thức hết sức vi tế. Tức nơi duyên khởi tư duy như lý. Do có thể phân biệt tánh sai biệt nơi phần vị tương tục gắn liền với bản thân, cùng các thọ do xúc sanh khởi, nên có thể ngộ nhập tánh vô thường của thức. Chư vị đã thành tựu trí kiến như thế, dần dần đối với thân là chỗ nương dựa của thọ, là chỗ nhân theo các xúc cùng tất cả hành thuộc về danh còn lại, đều có thể sanh khởi thắng giải, chán lìa, cũng được giải thoát. Đạt giải thoát nên an trụ rốt ráo nơi hai Giới Niết-bàn hoặc Hữu dư y, hoặc Vô dư y.

Lại nữa, Bi-sô đối với pháp duyên khởi đạt được thiện xảo, do ba thứ tướng, nên ở nơi ba đời có thể suy lường đúng đắn, có thể dứt hết khổ một cách chính đáng. Những gì là ba tướng? Đó là:

1. Xứ nương dựa của Khổ.
2. Nhân duyên của Khổ.
3. Chỗ dựa thuộc nhân duyên của Khổ.

Đó gọi là ba tướng. Thế nào là ba đời? Đó là:

1. Đời trung gian.
2. Đời quá khứ.
3. Đời vị lai.

Nên biết ở đây, chỗ dựa của Khổ nơi nội thân là nóng, lạnh cùng các khổ như bệnh, chết có sai biệt, là nơi chốn nương dựa của hiện pháp sanh khởi. Vì sao? Vì do có các pháp ấy, nên đối với thân là chỗ dựa, khổ kia được sanh, bên ngoài là cha mẹ, thân thuộc, bạn bè. Chỗ dựa của Khổ thân nhận là nắm giữ đao gậy như vâng, hầu v.v... cho là hậu biên, là nơi chốn nương dựa của các khổ sai biệt như ưu, sầu, tham v.v... Vì sao? Vì như trước đã nói, hai thứ chỗ dựa ấy dùng việc thân nhận ái làm nhân, do giống với ái tập, nên từ chỗ dựa ấy sanh khởi, gọi là nhân duyên của Khổ.

Lại, tức ái ấy nương dựa nơi cảnh giới của sắc diệu đáng yêu thích, dùng làm chốn dựa, mới có thể được sanh, gọi pháp đó là chỗ dựa thuộc nhân duyên của Khổ.

Lại, các cảnh giới hiện có nơi hiện tại, do lửa Tham-sân-si nhiệt não làm nhân khiến sanh khô, khát, do đó bèn uống. Ví như thức uống ngon ngọt có lẫn với chất độc, là cảnh giới của đối tượng duyên thuộc sắc diệu đáng yêu thích, không thể từ bỏ, nên càng thêm khát ái. Do khát ái nên có chỗ dựa của vị lai. Có chỗ dựa của vị lai nên có các khổ. Như vậy nên biết, do đệ nhất nghĩa, gọi là hương tới nẻo chết. Tức do đạo lý của hiện tại như thế, phải nên nhận biết rõ về đạo lý của quá khứ, vị lai, nên biết đó gọi là có thể suy lường đúng đắn về đời trung

gian, quá khứ, vị lai.

Lại, tức nương dựa nơi bốn thứ ngôn thuyết, nên biết ba lượng là chỗ dựa của tất cả. Hai thứ ngôn thuyết hoặc thấy hoặc biết là dựa nơi hiện lượng. Ngôn thuyết hoặc hiểu rõ là dựa nơi tỷ lượng. Ngôn thuyết hoặc nghe là dựa nơi chí giáo lượng.

Lại nữa, do năm thứ tướng, là phương tiện của chánh cần quán xét về duyên khởi, có thể dứt hết các khổ, có thể tạo biên vực của khổ. Những gì là năm tướng? Đó là:

1. Quán xét nhân duyên sanh khởi của các pháp duyên sanh.
2. Quán xét nhân duyên diệt của các pháp kia.
3. Nhận biết rõ như thật về hành đúng đắn có thể hướng đến nẻo diệt kia.
4. Tu tập pháp tùy pháp hành.
5. Lìa tăng thượng mạn nơi sự chứng đắc.

Như vậy gọi là khéo khởi quán xét cùng sự thành tựu viên mãn của quả. Khởi đầu từ chỗ dựa nơi nhân duyên Khổ của vị lai. Tiếp theo là quán xét nghịch, cho đến thức duyên danh sắc. Do bốn thứ tướng nên quan sát thông tỏ tu tập hành chánh. Nghĩa là do hai tướng, quán xét về vị lai, nhân có nên quả có, nhân không nên quả không. Đã quán xét thông tỏ về nhân không rồi, do tu hành đúng đắn. Đã thông tỏ rồi, theo đây tu tập đúng đắn về pháp tùy pháp hành.

Lại, quán xét đúng đắn ở trong hiện pháp, vô minh là duyên nơi nghiệp mới phước, phi phước, bất động, nhân nơi pháp có. Tùy theo hành của nghiệp phước, phi phước, bất động, nên quả như thức v.v... có. Kia không có nên đây cũng không có.

Đã quán xét rồi, thông tỏ như trước, cùng tu hành đúng đắn. Lúc tu hành đúng đắn, không tạo vô minh làm duyên cho nghiệp mới nghiệp cũ. Xúc đã may chóng có thể biến đổi hẳn, nên ở trong hiện pháp chứng đắc Thánh đạo hiện thấy như trước, là đạo quả Niết-bàn. Bấy giờ, hành giả kia ví như thợ gốm lành nghề, đem lửa phiền não với tùy miên được chứng đốt, tùy theo bình đựng hữu thức thân được chứng đốt chín, đặt trên bờ Niết-bàn vô cùng trong mát khiến lìa tất cả phiền não nóng bức.

Lại khiến cho hữu thức thân như gạch ngói, thân dựa được thanh tịnh, mát mẻ. Nên biết như trước đã nói về thân hiện có lãnh nhận biên vực nơi thọ, cho đến nói rộng. Chưa xả bỏ thọ mạng, lại thường ở nơi nẻo hằng trụ, trọn không thối mất quả A-la-hán, cũng không thể tạo vô minh duyên hành.

Thế nào là đối với sự chứng đắc, lìa tăng thượng mạn? Nghĩa là, bấy giờ hành giả kia thành tựu trí kiến có thể duyên nơi duyên khởi thanh tịnh diệu thiện, tư duy: Dựa nơi Thắng nghĩa để không lưu chuyển, không Niết-bàn, chỉ có các pháp kia sanh, nên khiến các pháp kia sanh. Các pháp kia diệt, nên khiến các pháp kia diệt.

Lại nữa, lược có hai thứ kể tăng thượng mạn:

1. Kể tăng thượng mạn nơi hàng hữu học.
2. Kể tăng thượng mạn nơi hàng vô học.

Nếu là kể tăng thượng mạn nơi hàng hữu học, kẻ ấy nói với người khác: Ta đã vượt qua nghi, vĩnh viễn đoạn trừ ba kiết. Đối với việc chứng đắc giải thoát của hàng hữu học, đã lìa do dự, đã nhổ sạch mũi tên độc, đã có thể đoạn trừ hoàn toàn Tát-ca-da-kiết, dùng làm căn bản cho tất cả kiến thú.

Nếu là kể tăng thượng mạn nơi hàng vô học, kẻ ấy nói với người khác: Ta không có cái gì ở trên. Sự việc nên tạo tác, chỗ nên “quyết trạch”, ta đều đã làm.

Hai thứ như thế, hoặc dựa nơi duyên khởi, hoặc dựa nơi Niết-bàn.

Lại, dựa nơi bậc Thánh nói, lúc đấy khởi ngôn thuyết, nghĩa là nói về Tánh Không thâm diệu, xuất ly thế gian, tương ứng với các sự việc thuận nghịch nơi duyên khởi của tánh duyên. Đối với chỗ nêu giảng không thể hiểu rõ, không theo đấy để ngộ nhập. Do hai thứ nhân ấy cùng duyên, nên đối với chỗ hiểu rõ như thật lại phát khởi hồ nghi. Đối với sự nối tiếp phiền não của chính mình, đã vĩnh viễn đoạn trừ, tác chứng Niết-bàn cũng sanh do dự. Vì sao? Vì do kẻ tăng thượng mạn nơi hàng hữu học, chấp ngã, ngã sở, luôn đeo đuổi, tác ý tùy nhập, vì ngã mạn vi tế, biến chuyển gián đoạn, không gián đoạn, đều không thể thấu đạt.

Lại, pháp Xa-ma-tha nhận giữ nối tiếp, phòng hộ phiền não thô khiến không tạp loạn. Do nhân duyên này, kẻ ấy đối với pháp chưa đạt được, sanh tưởng đã đạt được. Đối với pháp chưa phòng hộ, sanh tưởng đã phòng hộ, nên bảo với người khác như thế.

Lại, kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học tự nói: Ta đã đạt tịch tĩnh. Ta đã đạt Niết-bàn. Ta đã lìa ái. Ta đã lìa thủ. Đối với các thứ tăng thượng mạn hiện hành vi tế chưa đoạn ấy, đều không thể thấu đạt. Đối với pháp chưa đạt được, sanh tưởng đã đạt được. Đối với pháp chưa phòng hộ, sanh tưởng đã phòng hộ, nên bảo với kẻ khác như thế.

Lại, kẻ tăng thượng mạn nơi hàng vô học, nên biết có quyết định

trước ở nơi hàng hữu học dấy khởi tăng thượng mạn. Vì sao? Vì không phải kẻ ấy với phiền não hiện hành nối tiếp, nhưng tâm bị vây buộc như thế, chấp chặt mà trụ. Do nhân duyên này, nên đối với pháp chưa đạt được, sanh tưởng đã đạt được, khởi tăng thượng mạn, chấp trước sâu chặt, trải qua nhiều thời gian chấp trụ, hoặc nói với người khác. Chỉ có mất niệm, là phiền não nhỏ hẹp tạm thời hiện hành, tức thì lại thông tỏ, mau chóng có thể xa lìa.

Lại, kẻ ấy, như thế là hoặc do thời trước, đối với pháp chưa đạt được khởi tăng thượng mạn đạt được. Hoặc do nơi hiện tại, đối với chỗ đạt được sanh nghi hoặc, do dự hủy hoại tâm, liền sanh lo buồn, khởi tư duy: Nếu pháp ta đã chứng đắc là không thật có, thì chỗ chứng đắc của kẻ khác cũng phải là không có. Như thế liền sanh tà kiến hủy báng Thánh giáo, nhận lấy nhân của nẻo ác, chịu suy tổn lớn.

Thế nào là như trước đã nói, bậc Thánh thuyết giảng pháp thâm diệu? Nghĩa là có thể khai thị pháp duyên khởi thâm diệu, Niết-bàn cứu cánh, ba tướng tương ưng, thể tánh của hữu vi, vô vi có sai biệt. Hữu vi là vô thường. Vô vi thì thường trụ. Các hành đều khổ. Niết-bàn tịch tĩnh. Hết thấy hữu vi, gồm chung chỉ là khổ, cùng chỉ là nhân của khổ. Hết thấy vô vi gồm chung chỉ là các khổ cùng nhân đã vĩnh viễn diệt trừ.

Nếu các Bí-sô, ở trong hiện pháp đạt được Niết-bàn, đoạn trừ vĩnh viễn nẻo nhân của các khổ nơi hữu sau, khiến quả khổ sẽ có của đời vị lai hoàn toàn không chuyển. Lúc nhập Bát Niết-bàn Vô dư y, khổ sau không còn nối tiếp. Nhân trước đã dẫn đến chỗ dựa của khổ hiện tại, tự nhiên liền diệt, đạt đến biên vực của Khổ.

Ở đây, đều không có kẻ lưu chuyển trước, cũng không có người Bát Niết-bàn nơi hiện tại. Nếu có thể khai thị về nghĩa, lời như thế, nên biết đó gọi là như trước đã nói, bậc Thánh thuyết giảng pháp vô cùng thâm diệu.

Lại nữa, bản tánh của duyên khởi là thâm diệu cùng tột, nhưng có một bậc có thể khai thị khiến trở nên cạn, nên biết điều ấy do hai nhân duyên:

1. Do bậc Đại sư khéo khai thị.

2. Tức do hữu tình ấy thành tựu trí thông sáng, xét đoán vi tế, thấu đạt rộng khắp. Hoặc nói hoặc nghe, các câu nghĩa ấy, nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nêu.

Ở đây, các pháp duyên khởi lược do bốn tướng nên thâm diệu tột cùng. Đó là:

1. Do nhân quả vi tế khó nhận biết rõ.

2. Do vô ngã khó nhận biết rõ.

3. Do hữu tình ly hệ mà có trói buộc khó nhận biết rõ.

Lại, tức sáu lược chia làm hai phần, tức danh và sắc, cùng với giới xúc làm duyên. Nên biết ở đây, ý xứ phi sắc, cùng với các pháp phi sắc khác tương ứng. Một phần như thế được gọi là danh. Các xứ sắc còn lại gồm chung làm một phần, gọi là sắc.

Lại, danh sắc này, ở trong hiện pháp, do nối tiếp sanh thức làm duyên dẫn dắt, cùng có thể nắm giữ khiến không tan hoại.

Lại, tức thức ấy, nối tiếp sanh rồi, sau lại dựa nơi danh sắc mà trụ. Hoặc nơi đồng thời, hoặc sanh không gián đoạn, dựa nơi danh sắc mà chuyển. Đối với hiện pháp, thức này cũng dùng danh sắc kia làm duyên, nên biết nghiệp trước đã dẫn danh sắc cùng thức mà lần lượt dựa vào nhau. Lần lượt làm duyên như thế, nên biết thức duyên danh sắc dùng làm hậu biên, với chi hữu hiện có, tùy theo tướng của lão tử, như trước đã nói, theo chỗ ứng hợp nơi thể tánh có duyên. Như vậy gọi là nhân quả vi tế khó có thể nhận biết rõ. Vì khó nhận biết rõ, nên biết duyên khởi gọi là thâm diệu, hết sức thâm diệu.

Thế nào là vô ngã khó có thể nhận biết rõ? Nghĩa là an lập duyên khởi của các nhân quả, ngang bằng với từng ấy sự việc, ở trong khắp tất cả chúng hữu tình, khởi tăng ngữ của hữu tình không sai biệt. Tức tăng ngữ này nên biết là đường đi, dựa vào ngôn từ hiện có của xứ ấy đã chuyển biến để thiết lập các chúng hữu tình đều dị biệt. Lại lập danh tự đều có sai biệt... Ngang bằng với từng ấy sự việc, đối với các thứ ngôn thuyết của thế tục, sĩ phu có ngôn luận chuyển biến. Tức là các thọ hiện có, hoặc do xúc minh sanh, hoặc do xúc vô minh sanh ra, hoặc do xúc phi minh phi vô minh sanh ra, tất cả như thế cùng với danh sắc kết hợp.

Nếu các danh sắc đã vĩnh viễn đoạn trừ rốt ráo, thì các thọ hiện có không còn chỗ để được sanh. Nên biết đó gọi là duyên khởi vô ngã khó có thể nhận biết rõ.

Thế nào là hữu tình lìa hệ thuộc mà có trói buộc, tánh khó nhận biết rõ? Nghĩa là như ngoại đạo xúc đối xúc vô minh sanh khởi thọ, do ba môn nên đối với các hành duyên sanh vô ngã, phân biệt có ngã, khởi thiết lập kiến.

Những gì là ba môn? Đó là:

1. Đối với cõi Dục chưa được lìa dục, ở trong ba thứ thọ hệ thuộc cõi Dục, vọng chấp một phần là ngã sở sáng rõ, vọng chấp một phần là tánh của kẻ thọ nhận, phân biệt có ngã, khởi thiết lập kiến.

2. Nơi cõi Dục đã được lìa dục, Tĩnh lự thứ ba chưa được lìa dục, chỉ ở lạc thọ là có chỗ đạt được, tức vọng chấp đây là ngã sở sáng rõ, chấp ngoài thọ ấy riêng có thật ngã, là chủ thể thọ nhận, khởi thiết lập kiến. Nghĩa là cho ngã này là pháp có thọ, tức dùng thọ kia lãnh nạp thọ này.

3. Từ Tĩnh lự thứ ba trở lên, các thọ vi tế không khổ không lạc, đều không thể thông tỏ, nên phân biệt có ngã. Tức cho các thọ đều không phải là kẻ thọ nhận, khởi thiết lập kiến.

Như thế, tất cả do ba thứ môn đấy khởi ngã kiến, đều không hợp lý. Vì sao? Vì do ba thứ thọ đều vô thường, nên chỗ chấp ngã cũng là vô thường. Thế nên, kẻ kia thấy ba thứ thọ là ngã là không đúng đạo lý. Lại, nơi Tĩnh lự thứ tư trở lên đều không có lạc thọ, trong ấy cũng không có người có thể thọ nhận lạc. Chấp ngã đối với pháp kia do lạc thọ nên gọi là pháp có thọ, là không hợp đạo lý. Lại, nơi Tĩnh lự thứ tư trở lên tới định Vô sắc, kẻ kia do chấp ngã nên không biết về thọ. Do định tịch tĩnh kia sanh thọ, phát khởi ngã mạn, cho là ngã tịch tĩnh. Mạn ấy nên không, nhưng đã có mạn này, thế nên chấp ấy cũng không hợp lý. Nên biết ở đây, nếu các duyên khởi không phải là thâm diệu, thì mạn kia lẽ ra không có. Như thế là kẻ vô trí vọng chấp đã hoại mất nội pháp. Các Thánh đệ tử đa văn, xúc đối minh xúc sanh khởi các thọ, nhận biết rõ tất cả chỗ đấy khởi ngã kiến đều không hợp lý, thế nên quán thấy các pháp là vô ngã. Chư vị ấy đối với Thế tục đế cùng Thắng nghĩa đế đều được thiện xảo. Như trước đã nói, Đức Như Lai sau khi diệt độ, hoặc có hoặc không, cho đến hoặc không phải là có, không phải là không, đều không chấp trước.

Lại, ngoại đạo kia kiến hành như thế, ở trong hiện pháp, dựa vào như trước đã nói về ba thứ vọng kiến, hoặc thiết lập ngã là có sắc. Hoặc thiết lập ngã là không sắc. Hoặc thiết lập ngã là nhỏ hẹp. Hoặc thiết lập ngã là vô lượng.

Như trong hiện pháp, vọng phân biệt ngã là chân thật, có thể đạt được, nên khởi thiết lập kiến. Như vậy, nơi vị lai phân biệt khởi kiến chấp, vì kẻ khác nêu đặt, nên biết cũng thế.

Tuy có nhiều thứ vọng phân biệt ngã, nhưng chỉ một loại là tùy miên của Tát-ca-da-kiến trói buộc chưa đoạn dứt. Kẻ kia tuy do các đạo thế tục thấp kém lìa dần trói buộc, cho đến cõi Hữu Đảnh, nên biết tức kẻ ấy cũng gọi là trói buộc.

Như thế gọi là do diệu trí thiện xảo của các duyên khởi, nên hữu tình lìa hệ thuộc mà có trói buộc tánh khó nhận biết rõ, có thể tùy thuận

ngộ nhập.

Thế nào gọi là hữu tình có hệ thuộc mà lìa trói buộc, tánh khó nhận biết rõ? Nghĩa là có các Thánh đệ tử đa văn, xúc đối minh xúc sanh khởi các thọ, ở trong hiện pháp không đạt được thật ngã, cũng không thiết lập. Thân hoại mạng chung trở về sau, cũng không ở trong bảy thức trụ kia thiết lập tất cả chúng hữu tình. Đã lại đối với cõi dưới nối tiếp sanh thức xứ. Lại đối với cõi kia sanh khởi thức xứ. Chư vị ấy đối với thực trụ cùng với hai xứ, do các duyên khởi nơi đạo lý của Thánh đế, khi quán như thật, thành A-la-hán hoặc huệ giải thoát hoặc cùng giải thoát, gồm đủ tám giải thoát, tĩnh lực, đẳng chí. Chư vị ấy, nơi hiện pháp tuy có thể hiện thấy có sanh già chết, nhưng gọi từ pháp kia mà được lìa trói buộc. Tuy lại hiện thấy các thọ lãnh nạp, nhưng gọi là ở nơi thọ mà được lìa trói buộc. Tuy lại hiện thấy có thức, danh sắc, nhưng gọi là ở nơi pháp ấy mà được lìa trói buộc. Như vậy gọi là, do diệu trí thiện xảo của các duyên khởi, nên hữu tình có hệ thuộc mà lìa trói buộc, tánh khó nhận biết rõ, đã nhận biết rõ như thật.

Do bốn tướng ấy, nên biết duyên khởi gọi là thâm diệu, thâm diệu tột cùng.

Lại nữa, tụng nêu:

*Thế tục, Thắng nghĩa khác
Pháp nhĩ, đây tạo tác
Đại không cùng phân biệt
Tự tạo tác là sau.*

Ở trong Chánh pháp Tỳ-nại-da này, tuy kể ngu, trí lại cùng từ tiền tế đến nơi trung tế, đều do hai thứ phiền não căn bản, tập thành thân có thức như thế. Thân này làm duyên, đối với số hữu tình phi tình hiện có bên ngoài, nơi cảnh giới của đối tượng duyên thuộc về danh sắc, lãnh nạp ba thọ. Nhưng kể trí kia, đối với tất cả tiền, trung, hậu tế, so với kể ngu kia có sai biệt lớn.

Nên biết ở đây, đối với trung tế có sai biệt: Nghĩa là do hai thứ phiền não căn bản đã tập thành thân có thức như thế. Ở trong hiện pháp, hai thứ ấy đều đoạn. Đoạn trừ hai thứ ấy, nên nơi đời vị lai không còn có thức kia tùy thuộc thân, đây tức gọi là hậu tế có sai biệt.

Hỏi: Do đâu kể trí thành tự tánh của bậc trí?

- Đáp: Do ở trong hiện pháp, Tập đế hiện có, cùng đối với Khổ đế hiện có của hậu tế, đều lìa trói buộc.

Hỏi: Do đâu kể ngu tạo thành tánh của kẻ ngu?

- Đáp: Đối với việc đoạn trừ hai thứ kia đều không có năng lực.

Từng hành tập Thánh giáo, gọi là kẻ trí, trước đã tìm cầu tư lương trí huệ, gồm thấu các phạm hạnh.

Đối với Thánh giáo chưa từng tu tập, gọi là kẻ ngu. Kẻ trí kia là trái nhau, nên biết đó gọi là kẻ trí, người ngu, nơi tiền tế có sai biệt.

Lại nữa, các Thánh đệ tử đa văn, thiện xảo đối với các duyên khởi, nhận biết rõ như thật về đạo lý của hai đế Thế tục và Thắng nghĩa. Do nhận biết như thật, nên ở trong hiện pháp, các pháp hiện có như thân có thức v.v... đều nhận biết rõ là vô ngã, hoàn toàn không chấp chúng là ngã, ngã sở. Do đối với Thắng nghĩa đạt được thiện xảo, nên không có tà chấp ấy. Đối với hữu tình gắn chặt với các hành nối tiếp tạo tác tự nghiệp, đều nhận biết rõ như thật là không có chủ thể, đối tượng lần lượt tạo tác, cũng không phải không tạo có nghĩa an lành. Nhận biết rõ như vậy rồi, nên siêng năng chân chánh, tu tập lìa trôi buộc của phiền não. Do đối với thế tục đạt được thiện xảo, nên xa lìa nẻo tăng ích hiện có không thật, nẻo tổn giảm sự thật. Ở trong hiện pháp, đối với thân có thức trước đã tạo tác, tư duy về chỗ cầu nguyện, suy xét về chỗ kiến lập, do thế nguyện, tức dùng diệu huệ do Văn Tư tạo thành, thiện xảo của duyên khởi làm chỗ nương dựa, dùng hành Chỉ, Quán do Tu tạo thành, nên có thể tùy thuận ngộ nhập. Lại, đối với thân nhận biết xúc thọ tưởng tư, quán đầy đủ là Khổ. Lại, đối với thân của ái, lúc quán có sai biệt, nên biết tức là quán xét về Tập đế. Chư vị kia, trí đối với hai có sanh diệt, đã nhận biết rõ như thật. Do nhân nơi Tập, nên đứng như chỗ Tập. Do nhân nơi Diệt, nên đứng như chỗ Diệt. Nghĩa là do tác ý thế gian của địa định, tu tập nhân duyên của tác ý như thế, nhập hiện quán đế. Chư vị ấy, nơi thời trước, đối với Tập và Diệt của thế gian, do huệ Văn, Tư, nên gọi là nhận thấy, cũng gọi là khéo nhận biết. Do Tu huệ nên gọi là khéo tư duy. Nay đối với Thánh đế, lúc nhập hiện quán, gọi là khéo thông tỏ, cũng gọi là khéo thấu đạt. Do hoàn toàn hiện có như hiện có, nên tùy thuận thứ lớp. Bấy giờ, chư vị kia, do Văn huệ, Tư huệ, gọi là hướng đến Chánh pháp. Do Tu huệ nên gọi là gần Chánh pháp. Do thông tỏ về đế, nên gọi là chứng đắc Chánh pháp.

Lại, do hướng tới, do gần Chánh pháp, nên gọi là đạt đến nguồn đáy. Do chứng đắc Chánh pháp, nên gọi là đến khắp ngọn nguồn. Lại, huệ hữu học gọi là huệ diệu nhập thế gian, hiện ẩn. Huệ này là vô lậu, nên trong sự nối tiếp của bậc Thánh có thể đạt được, gọi là Huệ Thánh. Có thể dứt hết, có thể loại trừ hết thảy phiền não cùng các khổ, nên gọi là Huệ xuất ly. Có thể thông tỏ rốt ráo tột cùng, nên gọi là Huệ quyết trạch. Chư vị ấy đã thành tựu huệ diệu như thế, lại khởi tư duy: Ta nên

tinh tấn đoạn trừ tất cả phiền não hiện có về sau. Tức nơi sự việc ấy tu tập nhiều, ở trong tu đạo, ra khỏi các phiền não khác, dứt hết thấy mọi khổ. Như vậy là hiển thị về chánh đạo hiện có, từ địa của nghiệp đầu, cho đến đạt được quả A-la-hán.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên đối với các pháp duyên khởi cùng duyên sanh, kiến lập hai phần đạo lý sai biệt.

Nghĩa là, như lưu chuyển cùng các chốn lưu chuyển, nên biết ở đây có mười hai chi lưu chuyển sai biệt. Các chi ấy, lại như chỗ ứng hợp, xứng với lý nhân quả, thứ lớp lưu chuyển.

Lại, xứng với lý nhân quả thứ lớp, từ vô thủy đến giờ, lần lượt an lập, gọi là Pháp tánh. Do đời hiện tại, gọi là Pháp trụ. Do đời quá khứ, gọi là Pháp định. Do đời vị lai, gọi là Pháp như tánh. Không phải là Tánh không nhân, nên gọi là như Tánh, không phải là không như Tánh. Tánh của chân như thật, nên gọi là Tánh thật. Tánh của quả như thật, nên gọi là Tánh đế. Tánh thật được nhận biết, nên gọi là Tánh chân. Do trí như thật dựa nơi Tánh của xứ, nên gọi là Tánh không đảo, Tánh không điên đảo. Do tất cả duyên khởi tương ứng nơi văn tự, kiếp lập tánh của xứ nương dựa, nên gọi Tánh của duyên khởi này thuận theo thứ lớp.

Lại, các Thánh đệ tử đa văn đạt được hai thứ thiện xảo ấy, ở trong ba đời, đều nhận biết rõ đúng như thật. Xa lìa tất cả tác ý phi lý, đối với các Thánh đế có thể nhập hiện quán. Ở trong các kiến thức của các ngoại đạo, có thể lìa được trói buộc, như trước đã nói rộng về các nẻo, nên biết.

Lại, duyên khởi kia, từ thời vô thủy đến nay, nhân quả lần lượt lưu chuyển nối tiếp. Đức Như Lai, đối với Tánh thật của sự lưu chuyển ấy, hiện bày Đẳng Giác rồi, dùng trí vi diệu, khởi ngôn từ đúng đắn, theo phương tiện khai thị về không sanh không tạo. Nên biết ở đây, từ thời vô thủy đến giờ, nhân quả lần lượt nơi pháp trụ pháp tánh. Do chúng tương ứng nơi danh cú văn thân, nhằm khiến hiểu rõ về chỗ tùy thuận kiến lập xứ nương dựa của chủng tánh thuộc pháp trụ pháp giới.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên đây tạo tác, đây thọ nhận, chỗ khác tạo tác, chỗ khác thọ nhận, không nên ký biệt. Những gì là hai? Đó là:

1. Nhân quả cùng thuộc về một. Các hành nối tiếp, trước sau dị biệt.
 2. Kẻ tạo tác, người thọ nhận còn lại, không thể thủ đắc.
- Nếu đối với luận ấy không nhận không chấp, do hành Trung đạo,

như chỉ có nhân quả mà ký biệt đúng đắn, cũng không lỗi lầm.

Lại nữa, tất cả vô ngã không có sai biệt, gọi chung là Không. Nghĩa là hữu tình vô ngã cùng pháp vô ngã.

Hữu tình vô ngã: Nghĩa là lìa tất cả hành duyên sanh, ngoài ra còn có riêng ngã thật, là điều không thể đạt được.

Pháp vô ngã: Tức tánh của tất cả hành duyên sanh, không phải là ngã thật, là vô thường.

Hai thứ như thế lược gồm thâu làm một. Xứ kia nói đây gọi là đại không. Nghĩa là như có trường hợp lìa ngôn thuyết thế tục, vọng kiến làm chỗ dựa, khởi kiến như thế, lập luận như thế, cho là có vật riêng khác với pháp duyên sanh. hoặc là pháp duyên sanh khác với vật kia, thuộc vật kia. Ở đây là dựa vào vọng kiến, không phải là trụ nơi phạm hạnh. Vì sao? Vì do kiến như thế nương dựa nơi Không thứ nhất, đối trị kiến chuyển, không phải kiến này nên giải thoát. Hoặc lại tức ở trong pháp duyên sanh thuộc về danh sắc, dựa vào ba thứ vọng kiến như trước đã nói, khởi kiến như thế, lập luận như thế: Mạng tức là thân, cho đến nói rộng. Như vậy cũng không phải an trụ nơi phạm hạnh. Vì sao? Vì do kiến như thế, dựa nơi Không thứ hai, đối trị kiến chuyển, không phải kiến này nên giải thoát.

Xa lìa hai biên là kiến như thế, chỉ thấy nhân quả, gọi là hành Trung đạo. Đối tượng nhận thức là chân như, gọi là Tánh như thật. Chủ thể nhận thức là chân như, gọi là Tánh không điên đảo. Đối với các hành có, giả thiết lập là có, là các hành này, các hành thuộc về pháp kia. Nếu dựa nơi Thắng nghĩa, có như thế, thì tất cả hành kia hoặc diệt hoặc đoạn, làm sao có thể nói đây là các hành? Hoặc hành thuộc pháp kia? Bấy giờ, do đối với hai thứ như thế, đều không thể thủ đắc.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên biết là đã thiết lập tất cả thứ tướng của duyên khởi hiện có, nghĩa là nêu lên chung, hoặc phân biệt riêng. Những gì là hai nhân duyên? Đó là:

1. Như Tánh hiện có.
2. Toàn bộ như Tánh hiện có.

Thế nào là như Tánh hiện có? Nghĩa là các pháp duyên sanh, như vô minh v.v..., lần lượt tương xứng với thể tánh của nhân quả, cùng có nhân này chưa đoạn, nên có quả kia chưa đoạn. Nhân chưa đoạn ấy sanh, nên quả chưa đoạn kia sanh. Như thế gọi là như Tánh hiện có.

Thế nào là toàn bộ như Tánh hiện có? Nghĩa là các hành duyên sanh như vô minh v.v... nơi tất cả thứ tướng như vô minh kia là vô trí của tiền tế, cho đến nói rộng về thể tướng sai biệt. Phân biệt rộng về danh,

nên biết như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã nêu. Phân biệt kiến lập, như trước nên biết. Như thế gọi là hết thấy như Tánh hiện có. Tức dựa nơi như Tánh hiện có như thế, là hết thấy như Tánh hiện có. Nếu nêu lên chung hoặc phân biệt riêng, trước là nêu lên chung, gọi là trước sau. Tức ở đây lại khai thị rộng, gọi là phân biệt.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên tự tạo tác khổ lạc không thể thiết lập, không thể ký biệt. Như vậy, tha tạo tác, cả hai cùng tạo tác, cùng không tạo tác, không nhân mà sanh, nên biết cũng thế. Những gì là hai? Đó là:

1. Các hành như trước đã nói, là không tác dụng.
2. Hữu tình tạo tác chưa trọn vẹn, không thể thủ đắc v.v...

Ở đây, các hành không tác dụng, nên thọ này, lãnh nhận này, tự tạo khổ lạc, là không hợp đạo lý.

Lại, sự tạo tác chưa hoàn toàn kia, hữu tình không thể thủ đắc, nên thọ khác, lãnh nhận khác, là không hợp lý. Thọ chỗ khát ái, thọ nhận thọ, kẻ khác thọ cũng không hợp lý. Có các duyên nên các thọ được sanh, tức không nhân sanh cũng không hợp lý. Do đó, xa lìa biên của ba thứ luận nhân ác trước, một thứ sau là biên của luận không nhân. Nhận biết rõ giáo pháp hành Trung đạo như trước, siêng năng tu tập hạnh chánh, có thể dứt hết các khổ.

*

**